

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 1686/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 27 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Điều lệ quản lý Khu công nghiệp Trung Hà

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1954/QĐ-BXD ngày 20/10/2005 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Trung Hà, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 20/6/2012 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Trung Hà tỷ lệ 1/2.000;

Căn cứ Quyết định số 1979/QĐ-UBND ngày 27/7/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc duyệt dự án khả thi đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Trung Hà, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 419/2009/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2009 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc thành lập Khu công nghiệp Trung Hà;

Xét đề nghị của Ban quản lý các Khu công nghiệp tại Tờ trình số 364/TTr-BQLKCN ngày 27/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ quản lý khu công nghiệp Trung Hà, tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Ban quản lý các Khu công nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Điều lệ này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND huyện Tam Nông, Chủ tịch UBND huyện Thanh Thủy, Giám đốc các doanh nghiệp trong KCN Trung Hà, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

CHỦ TỊCH

Chu Ngọc Anh

ĐIỀU LỆ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH KHU CÔNG NGHIỆP TRUNG HÀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1686/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Điều lệ này quy định cụ thể việc quản lý và điều hành Khu công nghiệp Trung Hà, tỉnh Phú Thọ (gọi tắt là Khu công nghiệp).

Điều 2. Việc quản lý và điều hành Khu công nghiệp (KCN) được phân định như sau:

1. Ban quản lý các Khu công nghiệp Phú Thọ (Gọi tắt là Ban quản lý), được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 971/1997/QĐ-TTg ngày 15/11/1997 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban quản lý các Khu công nghiệp, thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với KCN theo chức năng và thẩm quyền của mình và theo uỷ quyền của các bộ, ngành và các cơ quan quản lý Nhà nước phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp (Gọi tắt là Công ty phát triển hạ tầng), được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 889/QĐ-UB ngày 04/4/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc thành lập Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp; Quyết định số 1279/2001/QĐ-UB ngày 11/5/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc quy định quy chế tài chính cho Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp trực thuộc Ban quản lý các Khu công nghiệp, thực hiện nhiệm vụ đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng KCN Trung Hà.

**Chương II
BAN QUẢN LÝ**

Điều 3. Ban quản lý các Khu công nghiệp Phú Thọ là cơ quan quản lý KCN có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng Điều lệ Quản lý từng KCN trên cơ sở Điều lệ mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành trình UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt.

2. Tổ chức xây dựng và quản lý thực hiện quy hoạch, tiến độ xây dựng, phát triển KCN bao gồm: Quy hoạch phát triển công trình kết cấu hạ tầng; quy hoạch bố trí ngành nghề, tham gia phát triển công trình kết cấu hạ tầng ngoài KCN liên quan và khu dân cư phục vụ cho công nhân lao động tại KCN.

3. Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trong và ngoài KCN liên quan để đảm bảo việc xây dựng và đưa vào hoạt động đồng bộ theo đúng quy hoạch và tiến độ được phê duyệt.

4. Hỗ trợ vận động đầu tư vào KCN.

5. Tiếp nhận đơn xin đầu tư kèm theo dự án đầu tư, tổ chức thẩm định và cấp giấy phép đầu tư cho các dự án nước ngoài theo uỷ quyền.

6. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện giấy phép đầu tư, hợp đồng gia công sản phẩm, hợp đồng cung cấp dịch vụ, hợp đồng kinh doanh, các tranh chấp kinh tế theo yêu cầu của đương sự.

7. Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước về lao động trong việc kiểm tra, thanh tra, an toàn lao động, tiền lương.

8. Quản lý hoạt động dịch vụ trong KCN.

9. Thoả thuận với Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp trong việc định giá cho thuê lại đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng đã xây dựng, các loại phí dịch vụ theo đúng chính sách và pháp luật hiện hành.

10. Cấp, điều chỉnh và thu hồi các loại giấy chứng chỉ thuộc thẩm quyền hoặc theo uỷ quyền; cấp, điều chỉnh và thu hồi các loại giấy phép theo uỷ quyền.

11. Được mời tham dự các cuộc họp của các cơ quan Chính phủ và UBND tỉnh khi bàn về việc hình thành, xây dựng, phát triển và quản lý KCN.

12. Báo cáo định kỳ và hàng năm theo quy định về tình hình hình thành, phát triển và quản lý các KCN với UBND tỉnh, các bộ, ngành Trung ương, các cơ quan Chính phủ có liên quan.

Điều 4. Ban quản lý chịu sự quản lý Nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Phú Thọ và thực hiện một số nhiệm vụ về quản lý Nhà nước trong KCN theo văn bản uỷ quyền của các cơ quan này.

Điều 5. Ban quản lý KCN được Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế và các Văn bản uỷ quyền của các bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, Điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch KCN và Điều lệ này. Ban quản lý các Khu công nghiệp ban hành các quy định, nội quy, quy trình nghiệp vụ cụ thể áp dụng trong KCN nhưng không trái với các quy định của pháp luật.

Chương III

CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

Điều 6. Công ty Phát triển hạ tầng có các nghĩa vụ và quyền hạn được quy định cụ thể tại Quyết định số 889/QĐ-UB ngày 04/4/2001, Quyết định số 1279/2001/QĐ-UB ngày 11/5/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Công ty Phát triển hạ tầng vận động đầu tư vào KCN trên cơ sở quy hoạch đã phê duyệt.

Điều 8. Công ty Phát triển hạ tầng trực tiếp thực hiện hoặc uỷ thác các Công ty khác thực hiện: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng, xây dựng các công trình nhà xưởng, máy móc, thiết bị thuộc vốn đầu tư của Công ty trong suốt thời hạn hiệu lực của Quyết định đầu tư hoặc giấy phép đầu tư (sau đây gọi chung là Giấy phép đầu tư), kể cả thời gian được gia hạn (nếu có). Trong trường hợp Công ty Phát triển hạ tầng uỷ thác cho các Công ty khác thực hiện các công việc nói trên, Công ty Phát triển hạ tầng vẫn phải chịu trách nhiệm về chất lượng, thời hạn hoàn thành trong phạm vi Hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Điều 9. Trong quá trình hoạt động, Công ty Phát triển hạ tầng phải tuân thủ các quy định của Giấy phép đầu tư, Quyết định thành lập, Điều lệ này cùng các quy định khác do Ban quản lý các Khu công nghiệp, UBND tỉnh Phú Thọ và pháp luật hiện hành.

Chương IV **DOANH NGHIỆP KHU CÔNG NGHIỆP**

Điều 10. Nhà đầu tư Việt Nam và nước ngoài muốn đầu tư xây dựng doanh nghiệp tại KCN phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan và tuân thủ các quy định tại bản Điều lệ này.

Điều 11. Các ngành sản xuất các sản phẩm sau đây được đầu tư vào Khu công nghiệp: Là khu công nghiệp đa ngành, không gây ô nhiễm, gồm: Công nghiệp lắp ráp cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng, dệt may và chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp.

Điều 12. Nhà đầu tư được thành lập doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp khác trong KCN.

Điều 13. Nhà đầu tư nước ngoài được lựa chọn hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 để hoạt động theo quy định hiện hành.

Điều 14. Nhà đầu tư tự quyết định hình thức xây dựng doanh nghiệp thành lập tại KCN trên cơ sở.

1. Thuê lại đất của Công ty Phát triển hạ tầng đã được xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc xây dựng một phần cơ sở hạ tầng để thiết kế, xây dựng nhà xưởng và lắp đặt thiết bị hình thành doanh nghiệp.

2. Mua hoặc thuê nhà xưởng tiêu chuẩn do Công ty Phát triển hạ tầng xây dựng hoặc của doanh nghiệp khác để thiết kế dây chuyền công nghệ, lắp đặt thiết bị hình thành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Doanh nghiệp KCN được sử dụng các dịch vụ xử lý nước thải, chất thải, cấp điện, cấp nước, vệ sinh và các tiện ích công cộng trong KCN thông qua Hợp đồng kinh tế với Công ty Phát triển hạ tầng hoặc Công ty cung cấp dịch vụ.

Điều 16. Nhà đầu tư nộp đơn và hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thành lập doanh nghiệp KCN tại Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ.

Điều 17. Thời hạn hoạt động của doanh nghiệp KCN được quy định cụ thể trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Khi kết thúc thời hạn, doanh nghiệp có thể làm đơn xin gia hạn gửi đến cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Trong mọi trường hợp, thời hạn hoạt động của doanh nghiệp KCN, kể cả sau khi được gia hạn, không dài hơn thời hạn hoạt động còn hiệu lực của Công ty phát triển hạ tầng.

Điều 18. Mọi thay đổi về hoạt động của doanh nghiệp KCN so với Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư phải được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện. Mọi thay đổi về thành phần, cơ cấu lãnh đạo doanh nghiệp phải thông báo kịp thời cho Ban quản lý.

Điều 19. Doanh nghiệp KCN chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Doanh nghiệp có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V **SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NHÀ XƯỞNG**

Điều 20. Địa điểm lập doanh nghiệp do chủ đầu tư lựa chọn và được sự đồng ý của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ bằng văn bản.

Điều 21. Sau khi vị trí và diện tích lô đất để xây dựng doanh nghiệp hoặc vị trí và diện tích nhà xưởng tiêu chuẩn đã được lựa chọn như quy định tại Điều 20, nhà đầu tư ký thỏa thuận sơ bộ với Ban quản lý và đặt cọc tiền giữ chỗ. Thời hạn hiệu lực, số tiền đặt cọc và các điều khoản khác của thỏa thuận do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ và nhà đầu tư thỏa thuận. Nếu quá thời hạn ghi trong thỏa thuận sơ bộ nhà đầu tư không nộp đơn và hồ sơ xin thành lập doanh nghiệp thì thỏa thuận sơ bộ hết hiệu lực và số tiền đặt cọc không được hoàn trả cho nhà đầu tư. Trường hợp đơn xin chứng nhận đăng ký đầu tư, thành lập doanh nghiệp không được chấp thuận nhà đầu tư được hoàn trả tiền đặt cọc

Điều 22. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư ký Hợp đồng chính thức với Công ty Phát triển hạ tầng thuê lại đất, thuê hoặc mua nhà xưởng tiêu chuẩn để hình thành doanh nghiệp.

- Hợp đồng làm theo mẫu do Công ty Phát triển hạ tầng soạn thảo thành tám (08) bản, mỗi Bên giữ ba bản và hai bản đăng ký tại Ban quản lý.

Điều 23. Thời hạn thuê đất để xây dựng doanh nghiệp hoặc thuê nhà xưởng tiêu chuẩn ghi trong Hợp đồng phù hợp với thời hạn hoạt động ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 24. Trường hợp doanh nghiệp được gia hạn hoạt động như tại Điều 17 Chương IV thì doanh nghiệp được tiếp tục thuê đất, thuê nhà xưởng tương ứng với thời hạn được gia hạn ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Giá tiền thuê đất, thuê nhà xưởng cho thời gian được gia hạn do doanh nghiệp và Công ty Phát triển hạ tầng thỏa thuận trên cơ sở Hợp đồng mới được ký kết như nói tại Điều 22, Chương này.

Điều 25. Nếu việc xây dựng công trình nhà xưởng đòi hỏi phải phân kỳ sử dụng đất, nhà đầu tư vẫn được thuê một lần toàn bộ diện tích đất cần thiết để hình thành doanh nghiệp, nhưng phải có kế hoạch xây dựng, sử dụng hết lô đất trong thời hạn tối đa là hai năm (24 tháng). Doanh nghiệp KCN phải gửi kế hoạch phân kỳ sử dụng đất được thuê về Công ty Phát triển hạ tầng, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban quản lý các Khu công nghiệp. Nếu vì lý do bất khả kháng hoặc lý do chính đáng khác mà không hoàn thành kế hoạch sử dụng đất đã cam kết thì ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi kết thúc thời hạn quy định doanh nghiệp phải xin gia hạn sử dụng đất. Quá thời hạn quy định và trong trường hợp Hợp đồng không được phép gia hạn, phần đất chưa sử dụng sẽ bị thu hồi.

Điều 26. Các thủ tục về đất đai (doanh nghiệp đo vẽ bản đồ địa chính và có văn bản đề nghị với Công ty Phát triển hạ tầng để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thực hiện theo pháp luật hiện hành.

Điều 27. Việc thẩm định thiết kế xây dựng, xét duyệt quy hoạch chi tiết, quản lý xây dựng theo quy hoạch và thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình thuộc các dự án đầu tư vào KCN được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 28. Các đường ranh giới giữa các doanh nghiệp, giới hạn xây dựng trong từng lô đất, điểm đầu nối công trình kỹ thuật hạ tầng của doanh nghiệp vào hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng chung của toàn KCN do Công ty Phát triển hạ tầng xác định.

Điều 29. Khi thiết kế và xây dựng nhà xưởng phải đảm bảo mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất theo các quy định của pháp luật về xây dựng và quy hoạch phát triển KCN đã được phê duyệt.

- Trong trường hợp việc xây dựng được thực hiện theo nhiều giai đoạn thì ở giai đoạn đầu, mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất có thể chưa đạt mức quy định, nhưng khi các công trình xây dựng hoàn thành, các quy định nói trên phải được thực hiện.

Điều 30. Trong quá trình xây dựng do nhu cầu thi công, nếu phải phá vỡ toàn bộ hoặc một phần các công trình công cộng (kể cả công trình kỹ thuật hạ tầng, chặt hạ cây xanh, đào hè đường,...) hoặc cần sử dụng các công trình và các tiện ích công cộng (vía hè, điện, nước, đường giao thông,...) thì doanh nghiệp phải thỏa thuận trước với Công ty Phát triển hạ tầng về thời hạn, giá trị đền bù, phương thức thanh toán, phục hồi nguyên trạng công trình và các điều kiện khác nếu có. Sau khi hoàn tất công việc và phục hồi nguyên trạng công trình, doanh nghiệp phải bàn giao công trình phục hồi cho Công ty Phát triển hạ tầng và báo cáo Ban quản lý kèm theo Biên bản giao.

Điều 31. Đất đã giao theo Hợp đồng thuê lại đất chưa được sử dụng vào mục đích đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Khi có nhu cầu thay đổi mục đích

sử dụng đất, doanh nghiệp phải thoả thuận với Công ty Phát triển hạ tầng, báo cáo với Ban quản lý và làm lại thủ tục liên quan khác.

Điều 32. Nhà xưởng đã thuê hoặc mua chưa được sử dụng vào mục đích đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Khi có nhu cầu thay đổi mục đích sử dụng phải thoả thuận lại với Công ty Phát triển hạ tầng và phải báo cáo Ban quản lý.

Điều 33. Trong thời hạn còn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, sau khi được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chấp thuận, doanh nghiệp có thể chuyển nhượng tài sản của mình xây dựng trên đất thuê hoặc tài sản lắp đặt trong nhà xưởng thuê hoặc mua của Công ty Phát triển hạ tầng cho Nhà đầu tư khác, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và quy hoạch được duyệt, cũng như Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp các doanh nghiệp bán và mua tài sản. Bên được chuyển nhượng có quyền và trách nhiệm tiếp tục thực hiện các Hợp đồng mà Bên chuyển nhượng đã ký kết với Công ty Phát triển hạ tầng.

Chương VI

CÁC VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN VÀ NGOẠI HỐI

Điều 34. Các doanh nghiệp KCN có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính Việt Nam. Người lao động trong KCN phải nộp thuế thu nhập theo Luật thuế thu nhập Việt Nam hiện hành.

Điều 35. Các doanh nghiệp KCN có thể áp dụng chế độ kế toán thống kê hiện hành của Việt Nam hoặc áp dụng chế độ kế toán thống kê khác theo quy tắc và tiêu chuẩn Quốc tế phổ biến được Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê chấp thuận và chịu sự kiểm tra của các cơ quan Tài chính và thống kê Việt Nam.

Điều 36. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán về giá trị là đồng Việt Nam hoặc có thể sử dụng một đơn vị tiền tệ nước ngoài do doanh nghiệp đề nghị và được Bộ Tài chính chấp thuận. Trường hợp chứng từ kế toán ghi bằng đơn vị tiền tệ khác thì phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ đã chọn theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Về hiện vật, phải sử dụng các đơn vị đo lường chính thức của Việt Nam. Trường hợp chứng từ kế toán đã được ghi bằng đơn vị đo lường khác thì phải quy đổi ra đơn vị đo lường chính thức của Việt Nam.

Điều 37. Các doanh nghiệp KCN nộp thuế, nộp các loại phí, lệ phí bằng tiền Việt Nam hoặc bằng một đồng tiền nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận. Trường hợp nộp bằng tiền nước ngoài thì quy đổi ra đơn vị tiền tệ đã chọn theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm nộp.

Điều 38. Niên độ kế toán tính theo năm dương lịch từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày cấp giấy phép đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Quý tính từ ngày 01 tháng đầu đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

- Tháng tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng. Doanh nghiệp có thể áp dụng năm tài chính 12 tháng không trùng với năm dương lịch nhưng phải được Bộ Tài chính chấp thuận.

Điều 39. Các doanh nghiệp KCN phải lập báo cáo kế toán theo đúng chế độ báo cáo kế toán đã đăng ký và được chấp thuận.

- Báo cáo kế toán của doanh nghiệp phải được một Công ty kiểm toán độc lập xác nhận trước khi gửi đi.

- Báo cáo kế toán phải gửi cho Ban quản lý và các cơ quan nhà nước khác theo quy định hiện hành.

Điều 40. Các doanh nghiệp KCN phải thực hiện kiểm kê tài sản khi kết thúc niên độ kế toán để xác định số thực về tài sản, vật tư, hàng hoá, tiền mặt, tiền gửi,... của công ty. Các tài liệu kế toán (sổ sách, chứng từ, báo cáo kế toán và các tài liệu khác có liên quan đến kế toán) phải được lưu trữ, bảo quản theo qui định của Bộ Tài chính Việt Nam.

Điều 41. Các hoạt động giao dịch và thanh toán bằng ngoại tệ KCN được thực hiện theo qui định của Nhà nước Việt Nam về quản lý ngoại hối.

Chương VII

LAO ĐỘNG TRONG KHU CÔNG NGHIỆP

Điều 42. Ban quản lý các khu công nghiệp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động theo ủy quyền của UBND tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh và UBND huyện, thành, thị và một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động tại KCN theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 43. Doanh nghiệp KCN ưu tiên sử dụng lao động Việt Nam. Doanh nghiệp chỉ được tuyển lao động là công dân nước ngoài vào làm công việc quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật mà lao động Việt Nam chưa đáp ứng được theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh; trước khi tuyển dụng lao động là công dân nước ngoài vào làm việc phải giải trình nhu cầu sử dụng lao động và được sự chấp thuận bằng văn bản của UBND tỉnh.

Điều 44. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và chuyển đến Ban quản lý kế hoạch về nhu cầu lao động, kế hoạch và yêu cầu tuyển dụng, kế hoạch đào tạo, huấn luyện, kể cả gửi đi đào tạo huấn luyện ở nước ngoài (nếu có).

Điều 45. Việc tuyển dụng lao động người Việt Nam vào làm việc tại các doanh nghiệp KCN được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về lao động.

Điều 46. Trong trường hợp sát nhập, phân chia doanh nghiệp, chuyển quyền sở hữu, quyền quản lý hoặc quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp thì chủ sở hữu mới hoặc người sử dụng lao động kế tiếp phải có trách nhiệm thực hiện Thỏa ước lao

động tập thể và các Hợp đồng lao động đã ký kết cho tới khi các bên thoả thuận sửa đổi, chấm dứt hoặc ký kết Hợp đồng mới.

Chương VIII

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 47. Doanh nghiệp KCN phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn mà cơ quan Nhà nước Trung ương và tỉnh quyết định trước khi xả vào hệ thống nước thải chung của KCN theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 48. Nước thải từ KCN trước khi đưa ra ngoài phải bảo đảm đạt độ sạch theo các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam. Trường hợp nước thải từ KCN chưa được xử lý đúng mức, gây ô nhiễm môi trường vượt quá giới hạn cho phép thì người gây ô nhiễm phải bồi thường mọi thiệt hại và phải có biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường.

Điều 49. Công ty Phát triển hạ tầng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải cho doanh nghiệp KCN thông qua Hợp đồng kinh tế, trong đó ghi rõ lượng chất thải, thông số hoá - lý của nước thải của công ty, phù hợp với công suất và khả năng xử lý của nhà máy xử lý nước thải do Công ty Phát triển hạ tầng vận hành.

Điều 50. Doanh nghiệp KCN tự mình xử lý khí thải và bụi công nghiệp đảm bảo đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường do Nhà nước Việt Nam quy định và chịu trách nhiệm về những thiệt hại do khí thải làm ô nhiễm gây ra.

- Các chất thải rắn là phế liệu, phế phẩm, doanh nghiệp không tận dụng được nhưng có giá trị thương mại, doanh nghiệp có thể bán và thực hiện nghĩa vụ về thuế tương tự như đối với trường hợp tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá khác của doanh nghiệp.

Điều 51. Việc xử lý các chất thải rắn, không có giá trị thương mại do các doanh nghiệp thực hiện, thông qua Hợp đồng kinh tế ký với từng doanh nghiệp KCN.

Chương IX

AN NINH - AN TOÀN - TRẬT TỰ CÔNG CỘNG KHU CÔNG NGHIỆP

Điều 52. Doanh nghiệp được quyền quy định cụ thể chế độ kiểm tra, quản lý đối với hàng hoá, phương tiện, người làm việc trong biên chế, đối với khách hàng, khách thăm quan của doanh nghiệp nhằm đảm bảo an toàn, bí mật công nghệ và quản lý của doanh nghiệp.

Điều 53. Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về tổ chức phòng chống cháy, nổ tại cơ sở của mình và tuân thủ mọi qui định của Nhà nước Việt Nam về phòng, chống cháy nổ.

Điều 54. Hệ thống giao thông trong KCN phải được phân tuyến, phân làn, được trang bị biển báo và hiệu lệnh giao thông phù hợp với luật an toàn giao thông của Việt Nam.

Điều 55. Các doanh nghiệp KCN phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, các Lệnh của Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão của tỉnh.

Chương X **XỬ LÝ TRANH CHẤP VÀ CHẾ TÀI**

Điều 56. Các tranh chấp liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng kinh tế trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải giữa các bên có liên quan. Trong trường hợp không hòa giải được, các bên đưa vụ tranh chấp ra trọng tài kinh tế hoặc toà án mà các bên đã thoả thuận khi ký kết hợp đồng.

Điều 57. Các tranh chấp về lao động trước hết phải được hai bên trực tiếp thương lượng. Khi một trong hai bên từ chối thương lượng, thương lượng không thành hoặc thương lượng thành nhưng một trong hai bên không thực hiện thì một trong hai bên có thể có đơn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp không hoà giải được vấn đề tranh chấp được đưa ra xem xét, giải quyết theo quy định của Bộ Luật Lao động của Nhà nước Việt Nam.

Điều 58. Các vụ án hình sự xảy ra trong KCN thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án Việt Nam.

Chương XI **MỘT SỐ QUY ĐỊNH RIÊNG ÁP DỤNG CHO** **DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NẪM TRONG KHU CÔNG NGHIỆP**

Điều 59. Doanh nghiệp chế xuất nằm trong KCN được ngăn cách với các vùng bên ngoài bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra vào và bảo đảm điều kiện cho sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan và các cơ quan chức năng có liên quan.

Điều 60. Hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất, không bao gồm sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán vào thị trường nội địa hoặc mua từ thị trường nội địa, bao gồm cả doanh nghiệp KCN trong cùng một KCN, được coi như hàng hoá do Việt Nam nhập khẩu từ nước ngoài hoặc xuất khẩu ra nước ngoài và phải tuân thủ các quy định của pháp luật xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam nhưng được miễn thủ tục xét duyệt kế hoạch xuất nhập khẩu.

- Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, phụ tùng mua ở thị trường nội địa để phục vụ sản xuất chính của doanh nghiệp chế xuất phải được sự chấp nhận của Ban quản lý, phải có Hợp đồng mua bán với các thành phần kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam, phải chịu thuế xuất khẩu và các loại thuế, lệ phí liên quan khác.

- Hàng hóa là lương thực, thực phẩm, văn phòng phẩm của doanh nghiệp chế xuất mua ở thị trường nội địa để phục vụ sinh hoạt và hoạt động của bộ máy văn phòng được Hải quan KCN trực tiếp ghi sổ theo dõi; không phải xin phê duyệt của Ban quản lý; không phải có hợp đồng kinh tế nhưng phải nộp hóa đơn hợp lệ và không phải chịu thuế xuất khẩu.

Điều 61. Đối với hàng hóa là sản phẩm do doanh nghiệp chế xuất sản xuất ra, kể cả phế liệu, phế phẩm còn giá trị thương mại, khi bán vào thị trường nội địa, được coi như hàng hóa nhập khẩu, phải có văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền, hợp đồng mua bán với tổ chức được phép kinh doanh và phải nộp thuế như hàng nhập khẩu.

Điều 62. Hàng hoá, máy móc, thiết bị của doanh nghiệp chế xuất nếu cần được sửa chữa, thử nghiệm, hiệu chỉnh, kiểm nghiệm mà không thể thực hiện tại doanh nghiệp hoặc trong Khu chế xuất, Ban quản lý có thể cho phép chuyển ra ngoài doanh nghiệp trong thời hạn do Ban quản lý quy định. Trong trường hợp này, doanh nghiệp phải làm thủ tục kiểm hóa, tạm miễn nộp thuế và đăng ký vào sổ của Hải quan KCN.

- Hàng hoá, máy móc, thiết bị nêu trên khi đưa về doanh nghiệp phải là hàng hoá, máy móc, thiết bị nguyên gốc phù hợp với danh mục đăng ký tại Hải quan KCN và có thể nhận dạng được.

Điều 63. Doanh nghiệp chế xuất được ký hợp đồng gia công và hợp đồng dịch vụ với các doanh nghiệp Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, sau khi được ban quản lý chuẩn y.

- Để thực hiện hợp đồng gia công, hợp đồng dịch vụ, doanh nghiệp chế xuất làm đơn kèm theo chứng từ liên quan xin ban quản lý chấp thuận việc xuất nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm vào nội địa và làm thủ tục hải quan khi đưa hàng hóa ra khỏi doanh nghiệp chế xuất hoặc Khu chế xuất.

- Doanh nghiệp chế xuất phải cung cấp bảng định mức sử dụng nguyên liệu để Hải quan KCN tiện việc kiểm tra khi hàng gia công xong chuyển về doanh nghiệp.

- Nguyên liệu, vật tư hay bán thành phẩm xuất vào nội địa phải giao đúng đơn vị ký hợp đồng. Nếu doanh nghiệp giao nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm không đúng đơn vị nhận gia công và không chuyển hàng đã gia công về doanh nghiệp đúng thời hạn quy định thì xem như vi phạm luật Việt Nam.

- Hàng gia công xong phải chuyển về doanh nghiệp đúng thời hạn cho phép và phù hợp với hợp đồng gia công.

- Trường hợp, khi nhận gia công cho doanh nghiệp chế xuất có cung ứng thêm một phần nguyên phụ liệu thì các doanh nghiệp nhận gia công phải nộp thuế xuất khẩu đối với các nguyên phụ liệu cung ứng thêm này. Việc nhận cung ứng thêm nguyên phụ liệu phải thể hiện trong hợp đồng gia công.

Điều 64. Đối với sản phẩm phải đem vào nội địa gia công, doanh nghiệp chế xuất có thể đưa khuôn mẫu, công cụ, máy móc thử nghiệm sẵn có của mình cho các đơn vị nhận gia công sử dụng sau khi được chấp thuận của Ban quản lý và phải chuyển trở về doanh nghiệp khi kết thúc hợp đồng.

Điều 65. Doanh nghiệp chế xuất được phép nhận gia công của các doanh nghiệp Việt Nam và nếu có cung ứng thêm một phần nguyên phụ liệu thì khi trả sản phẩm gia công doanh nghiệp Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu đối với phần nguyên

phụ liệu cung ứng thêm. Việc nhận cung ứng thêm nguyên phụ liệu phải thể hiện trong hợp đồng gia công.

Điều 66. Hàng hóa vận chuyển giữa doanh nghiệp chế xuất với doanh nghiệp chế xuất khác trong cùng KCN nhưng không cùng Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất ở KCN khác hoặc Khu chế xuất khác được thực hiện theo phương thức công-ten-nơ (container), thùng và kiện hàng niêm phong hải quan, có nhân viên hải quan áp tải và được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Chương XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 67. Trong quá trình thực bản Điều lệ này có thể được bổ sung, sửa đổi theo đề nghị của Ban quản lý các khu công nghiệp, Công ty Phát triển hạ tầng hoặc theo quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Điều 68. Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến khi có quyết định mới thay thế. Ban quản lý các Khu công nghiệp, doanh nghiệp KCN Trung Hà và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều lệ này./.

CHỦ TỊCH

Chu Ngọc Anh